

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án:  
“Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150 triệu bộ sản phẩm/năm và bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m<sup>2</sup> nhà xưởng tại nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5; Giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7” do Công ty TNHH Sung Ju Vina làm chủ đầu tư tại lô A5 và lô B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

### CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150 triệu sản phẩm/năm và bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m<sup>2</sup> nhà xưởng tại nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5; Giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7” họp ngày 19/3/2021 tại Ban Quản lý Khu kinh tế;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150 triệu bộ sản phẩm/năm và bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m<sup>2</sup> nhà xưởng tại nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5; Giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi*



với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 05/SSJ ngày 14/5/2021 của Công ty TNHH Sung Ju Vina;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 33/TTr-BQL ngày 24/5/2021.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150 triệu bộ sản phẩm/năm và bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m<sup>2</sup> nhà xưởng tại Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5; giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Sung Ju Vina (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại lô A5 và lô B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này; tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

**Điều 5.** Quyết định này thay thế Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng nhà máy gia công và lắp ráp loa các loại - công suất 15.500.000 sản phẩm/năm”, Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất loa tivi - công suất 20.000.000 bộ sản phẩm/năm” do Công ty TNHH Sung Ju Vina chủ đầu tư tại lô A5 và lô B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Sung Ju Vina và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- UBND xã Minh Hưng;
- Chi nhánh Công ty TNHH C&N Vina MHK;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT<sub>(BH-40-QĐPD-26/5)</sub>.

Kí **CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Anh Minh*



## PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án “Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150 triệu bộ sản phẩm/năm và bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m<sup>2</sup> nhà xưởng tại nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5; Giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7” do Công ty TNHH Sung Ju Vina làm Chủ đầu tư tại Lô A5 và B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước  
(Kèm theo Quyết định số 1.3.76...../QĐ-UBND ngày 27./5./2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

### 1. Thông tin về Dự án:

#### 1.1. Tên Dự án:

Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150 triệu bộ sản phẩm/năm và bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m<sup>2</sup> nhà xưởng tại nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5; Giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7.

#### 1.2. Địa điểm thực hiện:

Lô A5 và B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

#### 1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Sung Ju Vina.

Địa chỉ liên hệ: Lô A5 và B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

#### 1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

##### 1.4.1. Phạm vi, quy mô:

Dự án “Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150 triệu bộ sản phẩm/năm và bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m<sup>2</sup> nhà xưởng tại nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5; Giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7” được thực hiện tại 02 vị trí, tổng diện tích thực hiện dự án 37.408,5 m<sup>2</sup>, bao gồm:

- Nhà máy Sung Ju 1: Lô A5, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, diện tích 24.408,5 m<sup>2</sup>, bao gồm các hạng mục công trình của Dự án như sau:

+ Công trình chính: Xưởng sản xuất số 1, xưởng sản xuất số 2, xưởng sản xuất số 3 (nhà xưởng cho thuê), nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn...

+ Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại 3 ngăn, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý hơi khí hàn, hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại.

+ Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

- *Nhà máy Sung Ju 2*: Lô B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, diện tích 13.000 m<sup>2</sup>, bao gồm các hạng mục công trình của Dự án như sau:

+ Công trình chính: Nhà xưởng sản xuất, nhà kho 1, nhà kho 2, nhà ăn, nhà keo.

+ Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại 3 ngăn, bể khử trùng nước thải, hệ thống xử lý hơi khí hàn, hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại.

+ Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

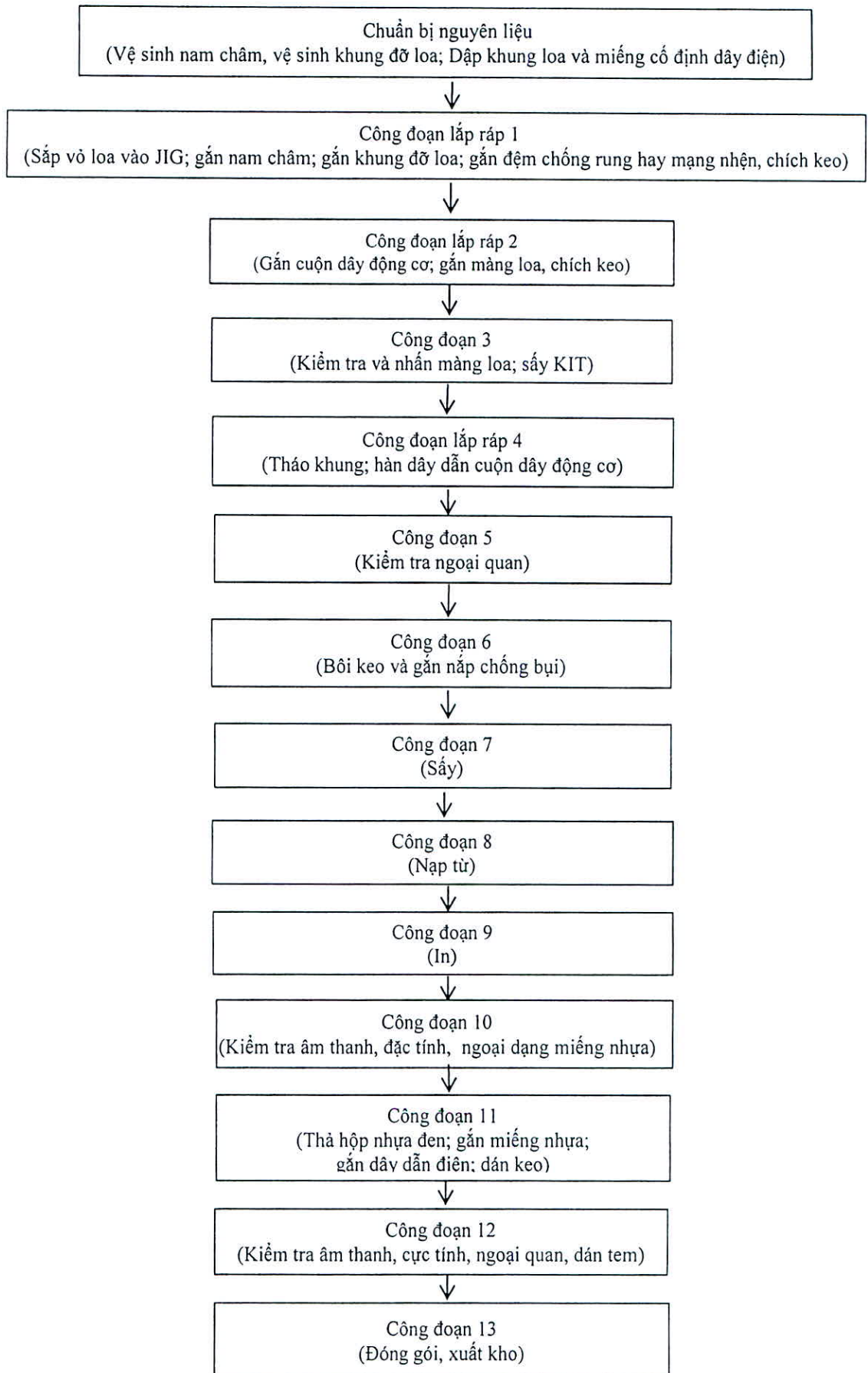
#### **1.4.2. Công suất:**

- *Nhà máy Sung Ju 1*: Sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi công suất 150 triệu bộ sản phẩm/năm; cho thuê 4.000 m<sup>2</sup> nhà xưởng dư thừa.

- *Nhà máy Sung Ju 2*: Sản xuất loa tivi với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm.

### 1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

Quy trình công nghệ sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi như sau:



## **2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:**

Dự án đã xây dựng hoàn thiện nhà xưởng và các hạng mục công trình khác. Để đáp ứng nhu cầu hoạt động trong giai đoạn nâng công suất, Chủ Dự án bố trí lại không gian sản xuất, trang bị, lắp đặt thêm một số máy móc, thiết bị sản xuất và cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy Sung Ju 1 (lô A5); cải tạo hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy Sung Ju 2 (lô B7).

### **2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:**

*- Tác động trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị, cải tạo hệ thống xử lý chất thải:*

Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; khí thải do các phương tiện vận chuyển trong giai đoạn thi công lắp đặt thiết bị; bụi và khí thải từ hoạt động của các loại máy móc thiết bị phục vụ thi công cải tạo hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải và lắp đặt bổ sung máy móc, thiết bị sản xuất; khí thải từ quá trình hàn công trình xây dựng và lắp đặt thiết bị; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại; tiếng ồn của các phương tiện thi công và lắp đặt máy móc thiết bị của nhà máy.

*- Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:*

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu; bụi, hơi keo, khói hàn phát sinh trong quá trình sản xuất; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất; chất thải nguy hại.

### **2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:**

#### **2.2.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:**

*- Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 0,7 m<sup>3</sup>/ngày. Nước thải sinh hoạt chứa các thành phần gây ô nhiễm môi trường nước như: Các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng (N, P) và các loại vi sinh vật.

*- Nước thải xây dựng:* Phát sinh khoảng 0,1 m<sup>3</sup>/ngày gồm nước rửa máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ thi công... Thành phần trong nước thải xây dựng chứa chủ yếu là bùn, đất cát, xi măng, dầu mỡ.

#### **2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

*- Nước thải sinh hoạt:*

+ *Nhà máy Sung Ju 1:* Lưu lượng nước thải phát sinh 91 m<sup>3</sup>/ngày, bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải từ quá trình nấu ăn. Nước thải sinh hoạt có chứa các chất lơ lửng, chất hữu cơ, các chất cặn bã, vi sinh vật, dầu mỡ động thực vật, các chất hoạt động bề mặt...

+ *Nhà máy Sung Ju 2:* Lưu lượng nước thải phát sinh khoảng 45 m<sup>3</sup>/ngày. Nước thải sinh hoạt có chứa các chất lơ lửng, chất hữu cơ, các chất cặn bã, vi sinh...

*- Nước thải sản xuất:* Trong quá trình sản xuất, Dự án sử dụng nước để làm mát máy nạp từ. Nước làm mát chủ yếu có nhiệt độ cao, sau khi được làm nguội

bằng tháp giải nhiệt được tuần hoàn tái sử dụng hoàn toàn. Do đó, hoạt động sản xuất tại 2 nhà máy không phát sinh nước thải sản xuất.

### **2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

#### **2.3.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- *Bụi, khí thải do các phương tiện vận chuyển, hoạt động của các loại máy móc thiết bị phục vụ thi công cải tạo hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải và lắp đặt bổ sung máy móc, thiết bị sản xuất:* Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, VOC...

- *Khí thải từ quá trình hàn công trình xây dựng và lắp đặt thiết bị:* Quá trình hàn phát sinh chủ yếu là bụi và hơi kim loại.

#### **2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông, hoạt động vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu:* Thành phần khí thải gồm bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO và HC...

- *Hơi keo trong quá trình sản xuất:* Có chứa thành phần hơi hữu cơ như methyl methacrylate, butadinene, hydroxyethyl methancrylate, ethylene thiourea, phenol, toluen, ethanol.

- *Khói hàn phát sinh từ hoạt động hàn:* Thành phần là hơi thiếc hàn.

- *Hơi mực in từ công đoạn in:* Thành phần ô nhiễm gồm butanone và acetone.

### **2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

#### **2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- *Chất thải rắn xây dựng:* Phát sinh khoảng 0,81 tấn trong suốt thời gian thi công lắp đặt máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu là bao bì giấy, ni lông, sắt thép vụn...

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh trong giai đoạn thi công lắp đặt máy móc, thiết bị khoảng 9,75 kg/ngày. Thành phần gồm: Rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 76% - 82% chất hữu cơ và 18% - 24% các chất khác.

#### **2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

+ *Nhà máy Sung Ju 1:* Phát sinh khoảng 213,87 tấn/năm. Thành phần gồm: Bao bì giấy, ni lông, giấy carton, các bộ phận, linh kiện điện tử hư hỏng không chứa thành phần nguy hại, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (đã được phân định không phải là chất thải nguy hại)...

+ *Nhà máy Sung Ju 2:* Phát sinh khoảng 54,15 tấn/năm. Thành phần gồm: Bao bì giấy, ni lông, carton, các bộ phận, linh kiện điện tử hư hỏng không chứa thành phần nguy hại...

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Nhà máy Sung Ju 1 phát sinh khoảng 845 kg/ngày. Nhà máy Sung Ju 2 phát sinh khoảng 650 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, chiếm tỷ lệ từ 60% - 75% tổng khối lượng chất thải. Thành phần còn lại chủ yếu là giấy, ni lông, đất cát...



## **2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:**

**2.5.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:** Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 10 kg/tháng chủ yếu là giẻ lau dính dầu nhớt, que hàn thải, bao bì thải...

**2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:** Chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy Sung Ju 1 khoảng 20,93 tấn/năm và tại nhà máy Sung Ju 2 khoảng 6,13 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là nam châm, màng loa, màng chống rung hay mạng nhện; thùng chứa dầu máy bảo trì máy móc, hộp mực in, giẻ lau, bóng đèn huỳnh quang...

## **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:**

Dự án tiến hành cải tạo hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy Sung Ju 1 và cải tạo hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy Sung Ju 2.

### **3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

#### **3.1.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu tại nhà máy Sung Ju 1. Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh hiện nay được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn và đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện hữu công suất 105 m<sup>3</sup>/ngày của nhà máy Sung Ju 1 để tiếp tục xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B).

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải xây dựng:* Thu gom toàn bộ lượng nước thải thi công phát sinh không để phát tán ra môi trường. Nước thải xây dựng được thu gom, lắng; nước sau khi lắng được dẫn vào bể gom của hệ thống xử lý nước thải hiện hữu của nhà máy để tiếp tục xử lý. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải hay cát xây dựng xâm nhập vào cống thoát nước gây tắc nghẽn.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* Nước thải phải được thu gom, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B).

#### **3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

\* *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:*

- *Nhà máy Sung Ju 1:* Nước thải nhà ăn sau khi qua bể tách dầu; nước rửa tay, nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 105 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của Dự án để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.

Dự án tiến hành cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải công suất 105 m<sup>3</sup>/ngày.đêm hiện hữu, cụ thể như sau: Chuyển bể xử lý sinh học hiếu khí aerotank thành bể hiếu khí dạng vật liệu đệm di động MBBR, chuyển bể lắng đứng thông thường sang dạng bể lắng vách nghiêng lamella, bảo trì và bảo dưỡng toàn bộ thiết bị, vật tư hệ thống xử lý nước thải hiện hữu, sửa chữa thiết bị hư hỏng, nuôi cấy lại

toàn bộ vi sinh. Quy trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 105 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của Dự án sau khi cải tạo bao gồm các hạng mục chính sau:

Nước thải → Hồ thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học anoxic → Bể sinh học MBBR → Bể lắng lamella → Bể trung gian - khử trùng → Bể lọc áp lực → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc.

- *Nhà máy Sung Ju 2*: Nước rửa tay, nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc.

- *Đối với đơn vị thuê lại nhà xưởng tại nhà máy Sung Ju 1*: Công ty TNHH Sung Ju Vina tiếp nhận, thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà xưởng cho thuê dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 105 m<sup>3</sup>/ngày của Dự án để xử lý. Quá trình tiếp nhận và xử lý nước thải phát sinh từ đơn vị thuê nhà xưởng phải đảm bảo theo các yêu cầu quy định tại Điều 20 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án được xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B).

\* *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sản xuất*:

- *Đối với nhà máy Sung Ju 1 và nhà máy Sung Ju 2*: Nước giải nhiệt được tuần hoàn tái sử dụng hoàn toàn, không xả ra môi trường.

- *Đối với nước thải sản xuất phát sinh từ đơn vị thuê lại nhà xưởng (nếu có)*: Đơn vị thuê nhà xưởng có trách nhiệm lắp đặt (không xây dựng) công trình thu gom, xử lý nước thải sản xuất và ký hợp đồng thu gom, xử lý nước thải sản xuất với đơn vị chủ đầu tư hạ tầng KCN Minh Hưng – Hàn Quốc hoặc đơn vị có chức năng theo quy định, không được phép xả thải nước thải sản xuất vào hệ thống xử lý nước thải của nhà máy Sung Ju 1.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Đảm bảo nước giải nhiệt được tái sử dụng hoàn toàn, không xả ra môi trường. Đơn vị thuê nhà xưởng phải chịu trách nhiệm về chất lượng nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý nước thải lắp đặt tại nhà xưởng thuê.

### **3.2. Về xử lý bụi, khí thải:**

#### **3.2.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- *Bụi, khí thải do các phương tiện vận chuyển, hoạt động của các loại máy móc thiết bị phục vụ thi công cải tạo hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải và lắp đặt bổ sung máy móc, thiết bị sản xuất*: Có kế hoạch thi công thích hợp, trang bị bảo hộ lao động, tập huấn an toàn lao động cho công nhân, thiết bị máy móc được sử dụng đảm bảo kỹ thuật, quy hoạch tuyến đường vận chuyển phế thải, máy móc, thiết bị hợp lý...

- *Khí thải từ quá trình hàn công trình xây dựng và lắp đặt thiết bị:* Bố trí thời gian làm việc hợp lý, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công và lắp đặt máy móc, thiết bị đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy, quá trình vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên Dự án; bố trí bãi đậu xe hợp lý, xe chở đúng tải trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về giao thông...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, hơi khí hàn trong quá trình sản xuất:*

+ *Nhà máy Sung Ju 1:* Chủ Dự án tiến hành cải tạo, nâng cấp 01 hệ thống xử lý khí thải hơi khí hàn, 01 hệ thống xử lý hơi dung môi như: Bổ sung chụp hút, lắp đặt thêm bộ lọc than hoạt tính và nâng chiều cao ống khói. Quy trình công nghệ xử lý sau khi cải tạo, nâng công suất bao gồm những hạng mục chính như sau:

Hệ thống xử lý hơi khí hàn: Hơi khí hàn → Chụp hút → Ống dẫn có bộ phận lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói (chiều cao 13,5 m, đường kính 0,2 m).

Hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in: Hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in → Chụp hút → Ống dẫn có bộ phận lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói (chiều cao 13,5 m, đường kính 0,2 m).

Hơi khí hàn, hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in sau hệ thống xử lý đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số  $k_p$  phù hợp); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

+ *Nhà máy Sung Ju 2:* Chủ Dự án đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý hơi khí hàn và 01 hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in với quy trình xử lý bao gồm các hạng mục chính sau:

Hệ thống xử lý hơi khí hàn: Hơi khí hàn → Chụp hút → Ống dẫn có bộ phận lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói (chiều cao 13 m, đường kính 0,2 m).

Hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in: Hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in → Chụp hút → Ống dẫn có bộ phận lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói (chiều cao 13 m, đường kính 0,2 m).

Hơi khí hàn, hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in sau hệ thống xử lý đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp

đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số  $k_p$  phù hợp); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi phát sinh trong quá trình sản xuất:* Vệ sinh quét dọn thường xuyên khu vực sản xuất; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, thông gió trong khu vực sản xuất...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên:* Bố trí riêng biệt khu chứa rác, thường xuyên quét dọn, hợp đồng thu gom định kỳ...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và các quy định hiện hành. Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:**

#### **3.3.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- *Chất thải rắn từ quá trình thi công, lắp đặt máy móc thiết bị:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý cùng với chất thải rắn sản xuất không nguy hại phát sinh từ nhà máy Sung Ju 1 theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa loại 25 lít và 240 lít bằng nhựa, có nắp đậy. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Chất thải rắn sinh hoạt:*

+ *Nhà máy Sung Ju 1:* Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, sau đó lưu giữ vào kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 12 m<sup>2</sup>. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.



+ *Nhà máy Sung Ju 2*: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, sau đó lưu giữ vào kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 12 m<sup>2</sup>. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*:

+ *Nhà máy Sung Ju 1*: Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường lưu chứa vào trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 30 m<sup>2</sup>. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

+ *Nhà máy Sung Ju 2*: Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường lưu chứa vào trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 12 m<sup>2</sup>. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:**

#### **3.4.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu của nhà máy Sung Ju 1 với diện tích 06 m<sup>2</sup> có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ bao quanh, rãnh rốn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

#### **3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Nhà máy Sung Ju 1*: Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 06 m<sup>2</sup> có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ bao quanh, rãnh rốn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Nhà máy Sung Ju 2*: Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 12 m<sup>2</sup> có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ bao quanh, rãnh rốn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

### **3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:**

#### **3.5.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- Các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường, không thi công vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, không nổ máy trong khi chờ bốc dỡ nguyên vật liệu...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn thi công và lắp đặt máy móc, thiết bị Dự án.

#### **3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung*: Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân, trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh nhà máy...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư*: Thiết kế nhà máy thông thoáng, thông gió tự nhiên, bố trí các chụp hút trên trần mái; trồng cây xanh xung quanh nhà máy...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án.

### **3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:**

#### **3.6.1. Trong giai đoạn thi công lắp đặt máy móc, thiết bị:**



Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

### **3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ:* Các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất, hệ thống điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ. Thiết lập khoảng cách ly an toàn của kho chứa nguyên liệu, kho thành phẩm với các công trình khác hoặc khu vực sản xuất. Sắp xếp cách bố trí máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và có khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc khi có sự cố xảy ra; các nguyên vật liệu dễ cháy, hóa chất gây cháy được lưu trữ trong nhà kho, cách ly với các loại nguyên vật liệu khác...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động:* Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân, huấn luyện cho công nhân về vệ sinh an toàn lao động, xây dựng nội quy an toàn lao động cho từng công đoạn sản xuất, biển báo nhắc nhở nơi sản xuất nguy hiểm, thường xuyên thực hiện việc kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho công nhân.

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn giao thông:* Sử dụng các phương tiện vận chuyển phù hợp, còn hạn kiểm định. Vận chuyển với tải trọng phù hợp. Tuyên truyền ý thức giao thông đối với các tài xế lái xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất:* Ban hành quy trình vận hành an toàn đối với khâu bốc xếp nguyên liệu từ xe vào kho chứa, vận chuyển nguyên liệu sản xuất, thao tác trong quá trình sản xuất; lựa chọn nhà cung cấp hóa chất uy tín, đảm bảo chất lượng hóa chất và bao bì an toàn, không rách, thủng trong quá trình di chuyển. Xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo quy định. Bố trí kho chứa hóa chất và sản phẩm hợp lý, an toàn. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý môi trường:* Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải, nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý...

- *Phương án phòng ngừa sự cố ngộ độc hóa chất, ngộ độc thực phẩm:* Thực hiện huấn luyện định kỳ về an toàn lao động và xử lý môi trường. Sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động được cấp trong khi thao tác sản xuất. Thực hiện đo đạc khảo sát định kỳ các thông số môi trường lao động. Chuẩn bị đầy đủ thuốc men, phương tiện y tế để đối phó với trường hợp ngộ độc. Quy định nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh thực phẩm đối với đơn vị nhà ăn của Công ty...

## **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:**

### **4.1. Danh mục công trình bảo vệ môi trường của nhà máy Sung Ju 1:**

- Bể tự hoại 3 ngăn; số lượng 05 bể.
- Hệ thống xử lý nước thải, công suất 105 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Hệ thống xử lý hơi khí hàn; số lượng 01 hệ thống, công suất 56.650 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in; số lượng 01 hệ thống, công suất 20.628 m<sup>3</sup>/giờ.
- Khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 12 m<sup>2</sup>.
- Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp có diện tích 30 m<sup>2</sup>.
- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 06 m<sup>2</sup>.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

#### **4.2. Danh mục công trình bảo vệ môi trường của nhà máy Sung Ju 2:**

- Bể tự hoại 3 ngăn; số lượng 02 bể.
- Bể khử trùng nước thải; số lượng 01 bể.
- Hệ thống xử lý hơi khí hàn; số lượng 01 hệ thống, công suất 42.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in; số lượng 01 hệ thống, công suất 42.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 12 m<sup>2</sup>.
- Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp có diện tích 12 m<sup>2</sup>.
- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 12 m<sup>2</sup>.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

#### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:**

##### **5.1. Chương trình giám sát giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:**

##### **5.1.1. Chương trình giám sát tại nhà máy Sung Ju 1:**

##### **a) Giám sát môi trường không khí khu vực cải tạo hệ thống xử lý nước thải:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực cải tạo hệ thống xử lý nước thải (nhà máy Sung Ju 1).
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, bụi, ồn, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO.
- *Tần suất giám sát:* 01 tháng trong giai đoạn thi công.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

##### **b) Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:**

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:*
  - + 01 điểm tại khu vực hàn: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, hơi thiếc, VOC.
  - + 01 điểm tại khu vực lắp ráp: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, hơi thiếc, VOC.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;



QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

**c) Giám sát khí thải:**

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại ống khói thải hơi dung môi: Lưu lượng, VOC.

+ 01 vị trí tại ống khói thải hơi hàn: Nhiệt độ, lưu lượng, bụi, hơi Sn, VOC.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

**d) Giám sát nước thải:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại hố ga thoát nước thải sau hệ thống xử lý.

- *Thông số giám sát:* pH, BOD<sub>5</sub>, COD, hàm lượng chất rắn lơ lửng (SS), amoniac, tổng N, tổng P, coliform, dầu mỡ khoáng, dầu mỡ động thực vật.

- *Tần suất quan trắc:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

**e) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

**5.1.2. Chương trình giám sát tại nhà máy Sung Ju 2:**

**a) Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:**

- *Vị trí và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại khu vực hàn: Vi khí hậu, tiếng ồn, heptan, bụi.

+ 01 vị trí tại khu vực chích keo: Vi khí hậu, tiếng ồn, acrylonitrile, butadiene, methyl methacrylate, VOC, bụi.

+ 01 vị trí tại khu vực vực sậy. Vi khí hậu, tiếng ồn, acrylonitrile, butadiene, methyl methacrylate, VOC, bụi.

+ 01 vị trí tại khu vực in: Vi khí hậu, tiếng ồn, acrylonitrile, butanone, acetone, methanol, acetic acid, bụi.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

#### **b) Giám sát khí thải:**

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát*:

+ 01 vị trí tại ống khói thoát khí sau hệ thống xử lý hơi keo, hơi mực in: Lưu lượng, butanone, acetone, methanol, acid acetic, acrylonitrile, butadine, methyl methacrylate, VOC.

+ 01 vị trí tại ống khói thoát khí sau hệ thống xử lý hơi thiếc: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi, Sn, heptan.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột B QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

#### **c) Giám sát nước thải:**

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm tại hồ ga trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.

- *Thông số giám sát*: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, tổng dầu mỡ động thực vật, amoniac, tổng N, tổng P, coliform.

- *Tần suất quan trắc*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

#### **d) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của



Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

## **5.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm:**

### **5.2.1. Giám sát khí thải:**

#### **a) Nhà máy Sung Ju 1:**

- *Vị trí, thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại miệng thải của ống khói thoát hơi keo: Lưu lượng, nhiệt độ, VOC, phenol, toluen, butadinene.

+ 01 vị trí tại miệng thải của ống khói thoát hơi khí hàn: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, Sn.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ( $k_p=0,9$ ;  $k_v=1,0$ ); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

#### **b) Nhà máy Sung Ju 2:**

- *Vị trí, thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại miệng thải của ống khói thoát hơi keo: Lưu lượng, nhiệt độ, VOC, phenol, toluen, butadinene.

+ 01 vị trí tại miệng thải của ống khói thoát hơi khí hàn: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, Sn.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ( $k_p=0,9$ ;  $k_v=1,0$ ); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

### **5.2.2. Giám sát nước thải:**

#### **a) Nhà máy Sung Ju 1:**

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại hố ga đầu vào hệ thống xử lý nước thải, 01 vị trí tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc và từng công đoạn theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ động thực vật, dầu mỡ khoáng, coliform.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

**b) Nhà máy Sung Ju 2:**

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại hồ ga đầu nổi nước thải đầu ra sau bể khử trùng.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ động thực vật, dầu mỡ khoáng, coliform.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

**5.3. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thương mại:**

**5.3.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:**

**a) Nhà máy Sung Ju 1:**

- *Vị trí và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại khu vực hàn: Nhiệt độ, bụi, tiếng ồn, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, Sn.

+ 01 vị trí tại khu vực chích keo: Nhiệt độ, bụi, tiếng ồn, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, toluen, ethanol, methyl methacrylate, VOC.

+ 01 vị trí tại khu vực in tem: Nhiệt độ, bụi, tiếng ồn, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, acetone, butanone.

+ 01 vị trí tại khu vực lắp ráp: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

**b) Nhà máy Sung Ju 2:**

- *Vị trí và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại khu vực hàn: Nhiệt độ, bụi, tiếng ồn, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, Sn.

+ 01 vị trí tại khu vực chích keo: Nhiệt độ, bụi, tiếng ồn, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, toluen, ethanol, methyl methacrylate, VOC.

+ 01 vị trí tại khu vực in tem: Nhiệt độ, bụi, tiếng ồn, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, acetone, butanone.



+ 01 vị trí tại khu vực lắp ráp: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

### **5.3.2. Giám sát khí thải tại nguồn:**

#### **a) Nhà máy Sung Ju 1:**

- *Vị trí, thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại miệng thải của ống khói thoát hơi keo: Lưu lượng, nhiệt độ, VOC, phenol, toluen, butadinene.

+ 01 vị trí tại miệng thải của ống khói thoát hơi khí hàn: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, Sn.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k<sub>p</sub> phù hợp); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

#### **b) Nhà máy Sung Ju 2:**

- *Vị trí, thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại miệng thải của ống khói thoát hơi keo: Lưu lượng, nhiệt độ, VOC, phenol, toluen, butadinene.

+ 01 vị trí tại miệng thải của ống khói thoát hơi khí hàn: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, Sn.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k<sub>p</sub> phù hợp); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

### **5.3.3. Giám sát nước thải:**

#### **a) Nhà máy Sung Ju 1:**

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại hố ga đầu vào và 01 vị trí tại hố ga đầu nổi nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD, COD, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ động thực vật, dầu mỡ khoáng, coliform.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

**b) Nhà máy Sung Ju 2:**

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại hồ ga đầu nổi nước thải đầu ra sau bể khử trùng

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, TSS, BOD, COD, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ động thực vật, dầu mỡ khoáng, coliform.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

**5.3.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại (nhà máy Sung Ju 1 và nhà máy Sung Ju 2).

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

**6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:** Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

**6.1.** Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

**6.2.** Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

**6.3.** Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

**6.4.** Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**6.5.** Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

**6.6.** Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

**6.7.** Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**6.8.** Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

**6.9.** Đối với hoạt động của các nhà xưởng cho thuê: Đơn vị thuê lại nhà xưởng căn cứ vào tính chất, quy mô của dự án thuê lại nhà xưởng phải thực hiện các thủ tục môi trường riêng. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường nhằm xử lý bụi, khí thải, (nếu có), chất thải rắn, chất thải nguy hại và thực hiện các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố được thể hiện trong hồ sơ môi trường riêng của nhà xưởng thuê do bên thuê thực hiện.

**6.10.** Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.